

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2016/QĐ-UBND

*Lạng Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2016*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về mức thu, cơ quan tổ chức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng  
phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng  
trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 355/TTr-STC ngày 21/12/2016.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quyết định mức thu, cơ quan tổ chức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn *(như Phụ lục kèm theo)*.

## 2. Cơ quan tổ chức thu, đối tượng nộp phí:

a) Giao Cục Hải quan tỉnh hướng dẫn, kiểm tra tờ khai nộp phí của các đối tượng nộp phí và việc tính toán mức thu phí.

b) Giao Kho bạc Nhà nước tỉnh trực tiếp tổ chức thu phí.

c) Đối tượng nộp phí: là các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phương tiện vận tải chở hàng hóa ra, vào khu vực cửa khẩu sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

## 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí thu được

a) Người nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu do tổ chức, cá nhân tham gia xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa nộp hoặc thực hiện nộp một lần tại cơ quan Kho bạc Nhà nước tổ chức thu phí.

b) Cơ quan tổ chức thu phí có trách nhiệm lập, giao biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; niêm yết công khai mức thu phí tại địa điểm thu phí theo đúng quy định hiện hành.

c) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn: toàn bộ số tiền phí thu được nộp vào ngân sách Nhà nước và được điều tiết 100% cho ngân sách tỉnh, quá trình thực hiện ngoài số cân đối chi thường xuyên số còn lại được sử dụng để đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu, các công trình trọng điểm và hỗ trợ chi phí liên quan đến công tác thu phí.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Kho bạc Nhà nước tỉnh: bố trí lực lượng cán bộ làm nhiệm vụ trực tiếp thu phí vào ngân sách Nhà nước tại tất cả các cửa khẩu, lối mở có điểm thông quan trên địa bàn khu vực biên giới của tỉnh;

Phối hợp với lực lượng Hải quan, Biên phòng, Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn tổ chức thực hiện tốt công tác thu phí theo đúng nội dung quy trình thu phí đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Cục Hải quan tỉnh: Chỉ đạo các Chi cục Hải quan tổ chức triển khai thực hiện quy trình thu phí; hướng dẫn, kiểm tra việc kê khai mức thu phí tại Tờ khai của các đối tượng nộp phí, đảm bảo đúng trọng tải xe, phù hợp với Tờ khai Hải quan và mức thu phí quy định hiện hành của tỉnh.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn: Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác thu phí tại khu vực cửa khẩu kịp thời vào ngân sách nhà nước;

Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho các lực lượng thu phí; thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc thu phí theo quy định hiện hành.

Đối chiếu kết quả thu phí hàng ngày, định kỳ 10 ngày báo cáo kết quả thu phí về UBND tỉnh và gửi các Sở, ngành có liên quan.

Thực hiện lập dự toán kinh phí chi cho các lực lượng tham gia thu phí gửi Sở Tài chính tổng hợp để giao dự toán hàng năm theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo an ninh biên giới, an toàn trật tự khu vực cửa khẩu theo lĩnh vực của ngành; phối hợp tốt với các ngành kiểm tra, kiểm soát số lượng phương tiện vận tải chở hàng hóa ra, vào khu vực cửa khẩu phải nộp phí.

5. Sở Tài chính: Phối hợp với các ngành có liên quan thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện thu phí;

Hướng dẫn Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn lập dự toán kinh phí chi cho các lực lượng tham gia thu phí, thực hiện cân đối giao dự toán hàng năm; kiểm tra và quyết toán kinh phí phục vụ cho công tác triển khai tổ chức thu phí theo chế độ quy định hiện hành.

6. Cục Thuế tỉnh: Cấp đầy đủ biên lai thu phí cho cơ quan được giao tổ chức thu phí;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra kết quả thu phí; chủ động thực hiện việc thanh tra, kiểm tra chuyên đề về công tác thu phí theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

7. Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Công an tỉnh và UBND các huyện: Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập: Có trách nhiệm chỉ đạo bộ phận chức năng phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện tốt công tác thu phí theo đúng chức năng nhiệm vụ của ngành, đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2017 và thay thế các Quyết định: số 26/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh về mức thu, cơ quan tổ chức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng bến bãi đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu, cặp chợ biên giới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 25/2013/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh mức thu, cơ quan tổ chức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng bến bãi đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu, cặp chợ biên giới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; số 09/2014/QĐ-UBND ngày 05/6/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh mức thu phí đối với xe ô tô chở quặng xuất khẩu tại khoản 7 mục I phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh; số 35a/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết

định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh mức thu, cơ quan tổ chức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng bến bãi đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu, cặp chợ biên giới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng: Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Trường**

**Phụ lục:****Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

(Kèm theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

<b>Số TT</b>	<b>Phương tiện thu chịu phí</b>	<b>Mức thu phí (đồng/xe/lần ra, vào)</b>
<b>I</b>	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:</b>	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 2 tấn, xe ba bánh và các loại xe tương tự chở hàng hóa xuất khẩu là rau, củ tươi các loại	100.000
2	Xe ô tô có trọng tải dưới 2 tấn, xe ba bánh và các loại xe tương tự chở hàng xuất khẩu, nhập khẩu (không thuộc đối tượng 1 nêu trên)	150.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	200.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	300.000
5	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng Container 20 fit	500.000
6	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng Container 40 fit	800.000
7	Xe ô tô chở quặng xuất khẩu	Nhân hệ số 5 với các mức giá trên
<b>II</b>	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, hàng hóa có xuất xứ (nguồn gốc) từ nước hoặc vùng lãnh thổ thứ ba xuất, nhập khẩu qua biên giới:</b>	
<b>A</b>	<b>Phương tiện vận tải chở các mặt hàng: hoa quả, nông sản</b>	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	800.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	1.600.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng Container 20 fit	2.800.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng Container 40 fit	4.000.000

<b>B</b>	<b>Phương tiện vận tải chở hàng hóa là hoa quả, nông sản có xuất xứ (nguồn gốc) từ nước hoặc vùng lãnh thổ thứ ba xuất, nhập khẩu qua biên giới</b>	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	400.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	800.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng Container 20 fit	1.400.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng Container 40 fit	2.000.000
<b>C</b>	<b>Phương tiện vận tải chở các mặt hàng còn lại</b>	
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 04 tấn	1.000.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	2.000.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng Container 20 fit	3.500.000
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng Container 40 fit	5.000.000
<b>III</b>	<b>Đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa sang tải tại bến bãi không đi vào nội địa: thu bằng 30% các mức thu quy định tại Mục I, II hoặc thu bằng 30% mức thu của phương tiện vận tải chưa sang tải hàng hóa (trừ khoản 7, Mục I) nêu trên</b>	
<b>IV</b>	<b>Mức thu phí đối với xe ô tô chở quặng xuất khẩu tại khoản 7 Mục I (theo sự cho phép của Bộ Công thương tại Công văn số 748/BCT-CNNg ngày 24/01/2014 về việc xuất khẩu tinh quặng Bauxit tồn kho tại Lạng Sơn) nhân (x) với hệ số 02 đối với các mức giá trên</b>	